BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2018 - 2019

Hệ đào tạo: Đại học — Loại đào tạo: Chính quy
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - 7510203 — Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - 7510203

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
Học kỳ 1				**11**					
Học phần bắt buộc				**11**					
1	000685	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4203000685	5(5, 0, 10)	2112007			75	0
2	002017	Thực hành cơ khí cơ bản	4203002017	2(0, 4, 4)	2103491			0	60
3	003242	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	4203003242	4(4, 0, 8)	2120501			60	0
4	003259	Toán cao cấp 1	4203003259	2(1,2,4)	2113431			30	0
5	003307	Giáo dục thể chất 1	4203003307	2(0, 4, 4)	2120405			0	60
6	003412	Nhập môn công nghệ kỹ thuật	4203003412	2(1, 2, 4)	2103525			15	30
Học kỳ 2				**16**					
Học phần bắt buộc				**10**					
1	003067	Tiếng Anh 1	4203003067	3(3, 0, 6)	2111250			45	0
2	003192	Kỹ năng làm việc nhóm	4203003192	2(1,2,4)	2132001			30	0
3	003288	Toán cao cấp 2	4203003288	2(1,2,4)	2113432			30	0
4	003297	Vẽ kỹ thuật	4203003297	3(3, 0, 6)	2103526			45	0
5	003306	Giáo dục thể chất 2	4203003306	2(0, 4, 4)	2120406			0	60
6	003354	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	4203003354	4(2, 4, 8)	2120502			30	60
7	004311	Cơ kỹ thuật	4203004311	3(3, 0, 6)	2103536			45	0
Học phần tự chọn				**6**					
1	000635	Vật liệu cơ khí và thí nghiệm cơ học	4203000635	3(2, 2, 6)	2103416			30	30
2	000708	Cơ lưu chất	4203000708	3(3, 0, 6)	2118409			45	0
3	000719	Nguyên lý động cơ đốt trong	4203000719	3(3, 0, 6)	2116406			45	0
4	002180	Vật lý kỹ thuật	4203002180	3(2, 2, 6)	2113500			30	30
5	003196	Giao tiếp kinh doanh	4203003196	3(2,2,6)	2107492			45	0
6	003197	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	4203003197	3(2,2,6)	2132002			45	0
7	003205	Quản trị doanh nghiệp	4203003205	3(2,2,6)	2107510			45	0
8	003206	Môi trường và con người	4203003206	3(2,2,6)	2123800			45	0
9	003217	Quản trị học	4203003217	3(2,2,6)	2107483			45	0

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
10	003285	Kế toán cơ bản	4203003285	3(2,2,6)	2127481			45	0
Học kỳ 3				**20**					
Học phần bắt buộc				**15**					
1	000466	Dung sai - Kỹ thuật đo	4203000466	3(2, 2, 6)	2103417			30	30
2	000508	Thực hành cắt gọt kim loại	4203000508	2(0, 4, 4)	2103427			0	60
3	000636	Sức bền vật liệu	4203000636	3(3, 0, 6)	2103437			45	0
4	000755	Kỹ thuật điện - Điện tử	4203000755	3(3, 0, 6)	2114480			45	0
5	001926	An toàn lao động và môi trường	4203001926	2(2, 0, 4)	2103482			30	0
6	002421	Tiếng Anh 2	4203002421	3(3, 0, 6)	2111300			45	0
7	003374	Nguyên lý máy	4203003374	2(2, 0, 4)	2103528			30	0
Học phần tự chọn				**5**					
1	000674	Thực hành cơ điện	4203000674	2(0, 4, 4)	2103421			0	60
2	000789	Quản lý dịch vụ ô tô	4203000789	2(2, 0, 4)	2116423			30	0
3	002029	Toán ứng dụng ngành cơ khí	4203002029	2(2, 0, 4)	2103505			30	0
4	002541	Kỹ thuật lạnh cơ sở	4203002541	2(2, 0, 4)	2118451			30	0
5	003193	Toán ứng dụng	4203003193	3(2,2,6)	2113434			45	0
6	003240	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	4203003240	3(2,2,6)	2113436			45	0
7	003320	Phương pháp tính	4203003320	3(2,2,6)	2113435			45	0
8	003329	Năng lượng mới trên ô tô	4203003329	2(2, 0, 4)	2116813			30	0
9	003345	Vật lý đại cương	4203003345	3(2,2,6)	2113437			45	0
10	003395	Logic học	4203003395	3(2,2,6)	2113438			45	0
Học kỳ 4				**23**					
Học phần bắt buộc				**17**					
1	000637	Kỹ thuật số	4203000637	3(2, 2, 6)	2102434			30	30
2	000638	Công nghệ chế tạo máy 1	4203000638	3(3, 0, 6)	2103438			45	0
3	000756	Ngôn ngữ lập trình C	4203000756	3(2, 2, 6)	2101463			30	30
4	000792	Chi tiết máy	4203000792	3(3, 0, 6)	2103492			45	0
5	001974	Kỹ thuật điều khiển	4203001974	3(3, 0, 6)	2103480			45	0
6	003373	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật	4203003373	2(0, 4, 4)	2103527			0	60
Học phần tự chọn				**6**					
1	000783	Dao động kỹ thuật	4203000783	3(3, 0, 6)	2103432			45	0
2	000859	Kỹ thuật nâng chuyển	4203000859	3(3, 0, 6)	2103428			45	0
3	002066	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	4203002066	3(3, 0, 6)	2118415			45	0
4	003194	Hội họa	4203003194	3(1,4,6)	2106529			45	0
5	003195	Xã hội học	4203003195	3(2,2,6)	2113439			45	0

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
6	003203	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản	4203003203	3(1,4,6)	2112011			45	0
7	003245	Tiếng Việt thực hành	4203003245	3(2,2,6)	2111492			45	0
8	003325	Tâm lý học đại cương	4203003325	3(2,2,6)	2110585			45	0
9	010665	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4203010665	3(2,2,6)	2111491			45	0
Học kỳ 5				**18**					
Học phần bắt buộc				**15**					
1	000673	Hệ thống khí nén - thủy lực	4203000673	3(2, 2, 6)	2103414			30	30
2	000869	Kỹ thuật vi xử lý	4203000869	3(2, 2, 6)	2102435			30	30
3	002100	Truyền động điện và điều khiển công suất	4203002100	3(3, 0, 6)	2103509			45	0
4	002907	Thiết kế chi tiết máy	4203002907	1(0, 2, 2)	2103515			0	30
5	003198	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	4203003198	2(1,2,4)	2113433			30	0
6	003218	Hệ cơ điện tử	4203003218	3(3, 0, 6)	2103538			45	0
Học phần tự chọn				**3**					
1	001371	Nhiệt động lực học kỹ thuật	4203001371	3(3, 0, 6)	2118401			45	0
2	001589	Vận hành và bảo trì các hệ thống nhiệt -lạnh	4203001589	3(3, 0, 6)	2118424			45	0
3	003505	ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng an toàn ô tô	4203003505	3(1, 4, 6)	2116819			15	60
4	011275	Phương pháp số trong kỹ thuật	4203011275	3(2,1,6)	2103539			30	30
Học kỳ 6				**15**					
Học phần bắt buộc				**10**					
1	000590	Robot công nghiệp	4203000590	3(3, 0, 6)	2103422			45	0
2	000664	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4203000664	2(2, 0, 4)	2112005			30	0
3	002751	Thiết kế hệ thống cơ điện tử	4203002751	1(0, 2, 2)	2103516			0	30
4	003207	Thực hành hệ thống cơ điện tử	4203003207	2(0, 4, 4)	2103535			0	60
5	003873	Thực hành PLC	4203003873	2(0, 4, 4)	2103534			0	60
Học phần tự chọn				**5**					
1	000644	Công nghệ kim loại	4203000644	2(2, 0, 4)	2103471			30	0
2	000679	Thực hành CAD/CAM	4203000679	2(0, 4, 4)	2103440			0	60
3	000997	Phương pháp phần tử hữu hạn	4203000997	3(2, 2, 6)	2103418			30	30
4	001693	Thiết kế hệ thống thông gió và điều hòa không khí	4203001693	2(0, 4, 4)	2118430			0	60
5	001973	Công nghệ chế tạo máy 2	4203001973	2(2, 0, 4)	2103497			30	0
6	002032	Quản lí sản xuất công nghiệp	4203002032	2(2, 0, 4)	2103496			30	0
7	003199	Động lực học lưu chất tính toán	4203003199	3(3, 0, 6)	2118455			45	0

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
8	003363	Thực hành gia công CNC	4203003363	3(1, 4, 6)	2103530			15	60
9	003709	Động lực học hệ thống	4203003709	3(3, 0, 6)	2103529			45	0
10	003941	Thực hành tích hợp hệ thống trong công nghiệp	4203003941	2(0, 4, 4)	2103537			0	60
Học kỳ 7				**16**					
Học phần bắt buộc				**10**					
1	000597	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4203000597	3(3, 0, 6)	2112008			45	0
2	002043	Thực tập doanh nghiệp	4203002043	5(0, 10, 10)	2103507			0	150
3	002422	Pháp luật đại cương	4203002422	2(2, 0, 4)	2131472			30	0
Học phần tự chọn				**6**					
1	000040	Truyền động và điều khiển máy CNC	4203000040	3(3, 0, 6)	2103445			45	0
2	000555	Kỹ thuật điều khiển robot công nghiệp	4203000555	3(3, 0, 6)	2103456			45	0
3	000558	Tự động hóa quá trình sản xuất	4203000558	3(2, 2, 6)	2103415			30	30
4	000587	Lý thuyết điều khiển nâng cao	4203000587	3(3, 0, 6)	2102491			45	0
5	000985	Tính toán, thiết kế cơ khí hỗ trợ bằng máy tính	4203000985	3(0, 6, 6)	2103475			0	90
6	000990	Kỹ thuật khuôn mẫu	4203000990	3(3, 0, 6)	2103424			45	0
7	000991	Tối ưu hóa trong thiết kế cơ khí	4203000991	3(3, 0, 6)	2103473			45	0
8	002058	Thiết kế và xử lý số liệu thực nghiệm	4203002058	3(2, 2, 6)	2103506			30	30
9	003200	Mô hình hóa hệ thống và mô phỏng	4203003200	3(3, 0, 6)	2103531			45	0
10	003513	ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng động cơ	4203003513	3(1, 4, 6)	2116816			15	60
Học kỳ 8				**9**					
Học phần bắt buộc				**5**					
1	000245	Chứng chỉ tin học	4203000245	0(0, 0, 0)	2199406			0	0
2	002027	Chứng chỉ TOEIC 450	4203002027	0(0, 0, 0)	2199450			0	0
3	002771	Khóa luận tốt nghiệp	4203002771	5(0, 10, 10)	2103523			0	150
Học phần tự chọn				**4**					
1	000553	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	4203000553	2(2, 0, 4)	2103444			30	0
2	000554	Vi xử lý ứng dụng	4203000554	2(2, 0, 4)	2103451			30	0
3	000639	Máy cắt kim loại	4203000639	2(2, 0, 4)	2103439			30	0
4	000704	Thiết bị và hệ thống điều khiển tự động	4203000704	2(2, 0, 4)	2114457			30	0
5	000721	Ô tô và môi trường	4203000721	2(0, 4, 4)	2116422			0	60

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Mã tự quản	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	TL/BTL	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
6	001138	ứng dụng CAE trong thiết kế cơ khí	4203001138	2(0, 4, 4)	2103490			0	60
7	001414	Năng lượng tái tạo	4203001414	2(2, 0, 4)	2118425			30	0
8	001937	Thực hành gia công EDM	4203001937	2(0, 4, 4)	2103478			0	60
9	001949	Mô phỏng kết cấu cơ khí	4203001949	2(0, 4, 4)	2103484			0	60
10	002034	Kỹ năng chuyên nghiệp dành cho kỹ sư	4203002034	2(2, 0, 4)	2103512			30	0
11	003431	Kết cấu động cơ đốt trong	4203003431	2(2, 0, 4)	2116801			30	0
12	003514	Thực hành hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	4203003514	2(0, 4, 4)	2116810			0	60

, ngày 24 tháng 12 năm 2018

Trưởng khoa